



**CƠ QUAN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HOA KỲ
WASHINGTON, D.C. 20460
VĂN PHÒNG AN TOÀN HÓA CHẤT VÀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM**

**Danh sách N: Các Sản Phẩm Diệt Khuẩn Đã Đăng Ký của EPA để Sử Dụng
Chống Lại Coronavirus SARS-CoV-2 Mới, Nguyên nhân gây
ra COVID-19**

Ngày: 03/03/2020

Một sản phẩm thuốc trừ sâu riêng lẻ có thể được tiếp thị và bán dưới nhiều tên khác nhau. Nếu bạn đang tìm kiếm thông tin bổ sung về một sản phẩm thuốc trừ sâu, hãy tham khảo Số Đăng ký EPA (EPA Reg.No.), được tìm thấy trên nhãn sản phẩm, không phải tên thương hiệu. Khi mua sản phẩm để sử dụng chống lại một mầm bệnh cụ thể, hãy kiểm tra Số EPA Reg. so với các sản phẩm có trong danh sách này.

Tất cả các loại thuốc trừ sâu đã đăng ký của EPA phải có Số Đăng ký EPA. Các tên thương hiệu thay thế có cùng Số EPA Reg. với sản phẩm chính. Số EPA Reg. của một sản phẩm chính bao gồm hai tập hợp số được ngăn cách bằng dấu gạch nối, ví dụ EPA Reg. No. 12345-12. Tập hợp số đầu tiên đề cập đến số nhận dạng của công ty và tập hợp số thứ hai sau dấu gạch nối thể hiện số sản phẩm.

Ngoài các sản phẩm chính, các nhà phân phối cũng có thể bán các sản phẩm có công thức giống hệt nhau và hiệu quả giống hệt như các sản phẩm chính. Mặc dù các sản phẩm của nhà phân phối thường sử dụng các tên thương hiệu khác nhau, bạn có thể xác định chúng theo Số EPA Reg ba phần của chúng. Hai phần đầu của Số EPA Reg. khớp với sản phẩm chính, cộng với tập hợp số thứ ba tiêu biểu cho số ID Nhà phân phối. Ví dụ: EPA Reg. No. 12345-12-2567 là sản phẩm của nhà phân phối có công thức và hiệu quả giống hệt với sản phẩm chính với EPA Reg. No. 12345-12.

Thông tin về các sản phẩm đã được liệt kê là hiện tại theo như các ngày được ghi trong danh sách này. Nếu bạn muốn xem lại thông tin trên nhãn sản phẩm cho bất kỳ sản phẩm nào trong số này, vui lòng truy cập [hệ thống nhãn sản phẩm](#). Việc được đưa vào danh sách này không phải là chứng thực của EPA.

RTU - Sẵn Sàng Sử Dụng



CƠ QUAN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HOA KỲ
WASHINGTON, D.C. 20460
VĂN PHÒNG AN TOÀN HÓA CHẤT VÀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM

Số Đăng Ký	Tên Sản Phẩm	Công Ty	Loại Công Thức
1677-129	COSA OXONIA ACTIVE	Ecolab Inc	CÓ THỂ PHA LOÃNG
1677-226	VIRASEPT	Ecolab Inc	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
1677-235	BLEACH DISINFECTANT CLEANER	Ecolab Inc	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
1677-237	OXYCIDE DAILY DISINFECTANT CLEANER	Ecolab Inc	CÓ THỂ PHA LOÃNG
1677-238	PEROXIDE MULTI SURFACE CLEANER AND DISINFECTANT	Ecolab Inc/Kay Chemical Co.	CÓ THỂ PHA LOÃNG
1677-249	KLERCIDE 70/30 IPA	Ecolab Inc	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
1677-251	PEROXIDE DISINFECTANT AND GLASS CLEANER RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)	Ecolab Inc/Kay Chemical Co.	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
1839-220	SC-RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG) DISINFECTANT CLEANER	Stepan Company	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
1839-248	Stepan Spray Disinfectant Concentrate	Stepan Company	CÓ THỂ PHA LOÃNG
1839-83	DETERGENT DISINFECTANT PUMP SPRAY	Stepan Company	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
1839-83	DETERGENT DISINFECTANT PUMP SPRAY	STEPAN COMPANY	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
4091-21	CONDOR 2	W.M. BARR & COMPANY, INC	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
4091-22	RAPTOR 5	W.M. BARR & COMPANY, INC	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
42182-9	FIREBIRD F130	MICROBAN PRODUCTS COMPANY	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)



**UNITED STATES ENVIRONMENTAL
PROTECTION AGENCY WASHINGTON,
D.C. 20460
OFFICE OF CHEMICAL SAFETY AND POLLUTION PREVENTION**

Số Đăng Ký	Tên Sản Phẩm	Công Ty	Loại Công Thức
47371-129	FORMATION HWS-256	H&S CHEMICALS DIVISION OF LONZA, LLC	CÓ THỂ PHA LOÃNG
47371-130	FORMULATION HWS-128	H&S CHEMICALS DIVISION OF LONZA, LLC	CÓ THỂ PHA LOÃNG
47371-131	HWS-64	H&S CHEMICALS DIVISION OF LONZA, LLC	CÓ THỂ PHA LOÃNG
47371-192	FORMULATION HWS-32	H&S CHEMICALS DIVISION OF LONZA, LLC	CÓ THỂ PHA LOÃNG
56392-7	Clorox Healthcare® Bleach Germicidal Cleaner Spray	Clorox Professional Products Company	RTU (SẢN SÀNG SỬ DỤNG)
5813-105	Clorox Multi Surface Cleaner + Bleach	The Clorox Company	RTU (SẢN SÀNG SỬ DỤNG)
5813-110	Clorox Pet Solutions Advanced Formula Disinfecting Stain & Odor Remover	The Clorox Company	RTU (SẢN SÀNG SỬ DỤNG)
5813-111	Clorox Disinfecting Bleach2	The Clorox Company	CÓ THỂ PHA LOÃNG
5813-114	Clorox Performance Bleach1	The Clorox Company	CÓ THỂ PHA LOÃNG
5813-115	Clorox Germicidal Bleach3	The Clorox Company	RTU (SẢN SÀNG SỬ DỤNG)
5813-21	Clorox Clean Up Cleaner + Bleach	The Clorox Company	RTU (SẢN SÀNG SỬ DỤNG)
5813-40	Clorox Disinfecting Bathroom Cleaner	The Clorox Company	RTU (SẢN SÀNG SỬ DỤNG)
5813-79	Clorox Disinfecting Wipes	The Clorox Company	CHÙI
5813-89	Clorox Toilet Bowl Cleaner with Bleach	The Clorox Company	RTU (SẢN SÀNG SỬ DỤNG)
63761-10	STERILEX ULTRA STEP	STERILEX	CÓ THỂ PHA LOÃNG
63761-8	STERILEX ULTRA DISINFECTANT	STERILEX	CÓ THỂ PHA LOÃNG



UNITED STATES ENVIRONMENTAL
PROTECTION AGENCY WASHINGTON,
D.C. 20460
OFFICE OF CHEMICAL SAFETY AND POLLUTION PREVENTION

Số Đăng Ký	Tên Sản Phẩm	Công Ty	Loại Công Thức
	CLEANER SOLUTION 1		
675-54	LYSOL BRAND HEAVY DUTY CLEANER DISINFECTANT CONCENTRATE	RECKITT BENCKISER	CÓ THỂ PHA LOÃNG
67619-12	Clorox Healthcare® Bleach Germicidal Wipes	Clorox Professional Products Company	CHÙI
67619-16	Clorox Commercial Solutions® Toilet Bowl Cleaner with Bleach1	Clorox Professional Products Company	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
67619-17	Clorox Commercial Solutions® Clorox® Clean-Up Disinfectant Cleaner with Bleach1	Clorox Professional Products Company	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
67619-21	Clorox Commercial Solutions® Clorox® Disinfecting Spray	Clorox Professional Products Company	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
67619-24	Clorox Commercial Solutions® Hydrogen Peroxide Cleaner Disinfectant	Clorox Professional Products Company	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
67619-25	Clorox Commercial Solutions® Hydrogen Peroxide Cleaner Disinfectant Wipes	Clorox Professional Products Company	CHÙI
67619-29	Saginaw	Clorox Professional Products Company	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
67619-30	GNR	Clorox Professional Products Company	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
67619-31	Clorox Commercial Solutions® Clorox® Disinfecting Wipes	Clorox Professional Products Company	WIPE
67619-32	CloroxPro™ Clorox® Germicidal Bleach	Clorox Professional Products Company	CÓ THỂ PHA LOÃNG



**UNITED STATES ENVIRONMENTAL
PROTECTION AGENCY WASHINGTON,
D.C. 20460
OFFICE OF CHEMICAL SAFETY AND POLLUTION PREVENTION**

Số Đăng Ký	Tên Sản Phẩm	Công Ty	Loại Công Thức
67619-33	Clorox Commercial Solutions® Clorox® Disinfecting Biostain & Odor Remover	Clorox Professional Products Company	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
67619-37	Clorox Healthcare® VersaSure® Wipes	Clorox Professional Products Company	CHÙI
67619-38	CloroxPro™ Clorox Total 360® Disinfecting Cleaner1	Clorox Professional Products Company	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
6836-140	LONZA FORMULATION S-21F	LONZA, LLC	CÓ THỂ PHA LOÃNG
6836-152	LONZA FORMULATION DC-103	LONZA, LLC	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
6836-266	BARDAC 205M-10	LONZA, LLC	CÓ THỂ PHA LOÃNG
6836-278	BARDAC 205M-14.08	LONZA, LLC	CÓ THỂ PHA LOÃNG
6836-289	BARDAC 205M RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)	LONZA, LLC	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
6836-289	BARDAC 205M RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)	LONZA, LLC	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
6836-302	BARDAC 205M-2.6	LONZA, LLC	CÓ THỂ PHA LOÃNG
6836-305	BARDAC 205M-23	LONZA, LLC	CÓ THỂ PHA LOÃNG
6836-313	LONZA DISINFECTANT WIPES	LONZA, LLC	CHÙI
6836-340	LONZA DISINFECTANT WIPES PLUS 2	LONZA, LLC	CHÙI
6836-349	LONZAGARD RCS-256 PLUS	LONZA, LLC	CÓ THỂ PHA LOÃNG
6836-361	NUGEN MB5A-256	LONZA, LLC	CÓ THỂ PHA LOÃNG
6836-364	NUGEN MB5N-256	LONZA, LLC	CÓ THỂ PHA LOÃNG
6836-365	NUGEN MB5N-128	LONZA, LLC	CÓ THỂ PHA LOÃNG
6836-70	BARDAC 205M-7.5	LONZA, LLC	CÓ THỂ PHA

			LOÃNG
6836-75	LONZA FOUMLATION S-21	LONZA, LLC	CÓ THỂ PHA LOÃNG



**UNITED STATES ENVIRONMENTAL
PROTECTION AGENCY WASHINGTON,
D.C. 20460
OFFICE OF CHEMICAL SAFETY AND POLLUTION PREVENTION**

Số Đăng Ký	Tên Sản Phẩm	Công Ty	Loại Công Thức
6836-77	LONZA FORMULATION S-18	LONZA, LLC	CÓ THỂ PHA LOÃNG
6836-78	LONZA FORMULATION R-82	LONZA, LLC	CÓ THỂ PHA LOÃNG
70627-24	VIREX™ II / 256	Diversey, Inc.	CÓ THỂ PHA LOÃNG
70627-56	OXIVIR Tb	Diversey, Inc.	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
70627-58	OXY-TEAM™ DISINFECTANT CLEANER	Diversey, Inc.	CÓ THỂ PHA LOÃNG
70627-60	OXIVIR™ WIPES	Diversey, Inc.	CHÙI
70627-72	Avert Sporidical Disinfectant Cleaner	Diversey, Inc.	CÓ THỂ PHA LOÃNG
70627-74	OXIVIR 1	Diversey, Inc.	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
70627-77	Oxivir 1 Wipes	Diversey, Inc.	CHÙI
71847-6	KLORSEPT	MEDENTECH LTD	CÓ THỂ PHA LOÃNG
71847-7	KLORKLEEN 2	MEDENTECH LTD	CÓ THỂ PHA LOÃNG
777-127	LYSOL® DISINFECTANT MAX COVER MIST	RECKITT BENCKISER	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
777-132	LYSOL BRAND POWER PLUS TOILET BOWL CLEANER	RECKITT BENCKISER	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
777-70	LYSOL BRAND CLING & FRESH TOILET BOWL CLEANER	RECKITT BENCKISER	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
777-81	LYSOL BRAND LIME & RUST TOILET BOWL CLEANER	RECKITT BENCKISER	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
777-83	LYSOL BRAND BLEACH MOLD AND MILDEW REMOVER	RECKITT BENCKISER	RTU (SẴN SÀNG SỬ DỤNG)
777-89	LYSOL BRAND CLEAN & FRESH	RECKITT BENCKISER	CÓ THỂ PHA LOÃNG



UNITED STATES ENVIRONMENTAL
PROTECTION AGENCY WASHINGTON,
D.C. 20460
OFFICE OF CHEMICAL SAFETY AND POLLUTION PREVENTION

Số Đăng Ký	Tên Sản Phẩm	Công Ty	Loại Công Thức
	MULTI-SURFACE CLEANER		
777-99	PROFESSIONAL LYSOL® DISINFECTANT SPRAY	RECKITT BENCKISER	RTU (SẢN SÀNG SỬ DỤNG)
84368-1	URTHPRO	URTHTECH, LLC	RTU (SẢN SÀNG SỬ DỤNG)
85150-1	PURELL Professional Surface Disinfectant Wipes	GOJO Industries, Inc.	CHÙI
88494-3	PEAK DISINFECTANT	North American Infection Control, Ltd	RTU (SẢN SÀNG SỬ DỤNG)
88494-4	PEAK DISINFECTANT WIPES	NORTH AMERICAN INFECTION CONTROL, LTD	CHÙI
9480-10	Sani-Prime Germicidal Spray	Professional Disposables International, Inc.	RTU (SẢN SÀNG SỬ DỤNG)
9480-12	Sani-Cloth Prime Germicidal Disposable Wipe	Professional Disposables International, Inc.	CHÙI
9480-14	Sani-HyPerCide Germicidal Spray	Professional Disposables International, Inc.	RTU (SẢN SÀNG SỬ DỤNG)